

Số: 383/2023/QĐST-DS

Bình Chánh, ngày 27 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 296/2023/TLST-DS ngày 05/06/2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp E, xã L, huyện B, TP.Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Trần Ngọc D, sinh năm 1970; địa chỉ: Đường N, Phường M, quận T, TP.Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Ngọc D: Bà Trần Thị Kim L, sinh năm: 1965 - Luật sư Văn phòng luật sư T - Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Mỹ X, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp E, xã L, huyện B, TP.Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Mỹ X: Ông Nguyễn Thanh P.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Thị Kim H1, sinh năm 1979 và anh Trần Ngọc H2, sinh năm 2005; cùng địa chỉ: Đường N, Phường M, quận T, TP.Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Đặng Thị Kim H1 và anh Trần Ngọc H2: Ông Trần Ngọc D.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Thanh P là nguyên đơn (ông P đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ X) và ông Trần Ngọc D là bị đơn (ông D đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Kim H1) cùng thống nhất thỏa thuận nội dung như sau:

Ông Trần Ngọc D được quyền sử dụng phần đất có diện tích 153,6m², thuộc thửa A, tờ bản đồ số Y (tài liệu năm 2005), tọa lạc tại xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, tương ứng phần được đánh số (5) tại Bảng thống kê diện tích trong Bản đồ hiện trạng, vị trí – áp ranh do Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng S lập ngày 13/7/2023.

Ông Trần Ngọc D có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Thanh P phần đất diện tích 614,5m², thuộc thửa B, tờ bản đồ số Y, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, tương ứng với phần được đánh số (9) tại Bảng thống kê diện tích trong Bản đồ hiện trạng, vị trí – áp ranh do Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng S lập ngày 13/7/2023.

Ông Trần Ngọc D có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cập nhật biến động tăng diện tích đối với thửa đất số C, tờ bản đồ số Y của ông Trần Ngọc D, cụ thể như sau: diện tích đất tăng thêm là 153,6m², thuộc thửa số A, tờ bản đồ số Y (tài liệu năm 2005), tọa lạc tại xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, tương ứng phần được đánh số (5) tại Bảng thống kê diện tích trong Bản đồ hiện trạng, vị trí – áp ranh do Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng S lập ngày 13/7/2023. Đồng thời ông Trần Ngọc D có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cập nhật biến động giảm diện tích đối với thửa đất số A, tờ bản đồ số Y (tài liệu năm 2005) theo diện tích đất nêu trên cho ông Nguyễn Thanh P. Trường hợp không thể thực hiện thủ tục cập nhật biến động giảm diện tích đối với thửa đất số A, tờ bản đồ số Y (tài liệu năm 2005) theo diện tích đất nêu trên cho ông Nguyễn Thanh P thì phần đất còn lại của thửa A, tờ bản đồ số Y (có diện tích là 846,4m²) sẽ được nhập vào thửa E, tờ bản đồ số Y, xã L, huyện B (đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH 01564 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 15/11/2011 cho ông Nguyễn Thanh P).

Ông Nguyễn Thanh P có trách nhiệm hỗ trợ cho ông Trần Ngọc D khi ông D thực hiện các thủ tục nêu trên.

Ông Trần Ngọc D có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thanh P số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) theo phương thức như sau:

- Lần 01: Ông Trần Ngọc D phải thanh toán cho ông Nguyễn Thanh P số tiền là 400.000.000 đồng vào ngày 27/7/2023;

- Lần 02: Ông Trần Ngọc D phải thanh toán cho ông Nguyễn Thanh P số tiền là 400.000.000 đồng, thanh toán sau 15 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền cập nhật biến động tăng diện tích đối với thửa đất số C, tờ bản đồ số Y của ông Trần Ngọc D như nội dung thỏa thuận nêu trên.

Trường hợp ông Trần Ngọc D không thực hiện việc trả tiền theo thỏa thuận thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Ông Trần Ngọc D tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.000.000 (mười tám triệu) đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0041901 ngày 03/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, ông Trần Ngọc D còn phải nộp thêm 17.700.000 đồng. Hoàn lại cho ông Nguyễn Thanh P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.587.500 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0080564 ngày 30/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Dũng